

Bản án số: 04/2022/DS-ST

Ngày: 23/6/2022

V/v: "Tranh chấp quyền sử dụng đất
và buộc di dời tài sản trên đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN BẮC - TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Minh Đăng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Hữu Hoan

2. Ông Nguyễn Văn Lắm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Hòa Yên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Bắc tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 19/2021/TLST- DS ngày 14 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và buộc di dời tài sản trên đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-DS ngày 03/6/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Ng M Ph, sinh năm 1968 (có mặt).

Bị đơn: Ông C Ph, sinh năm 1946 và bà Ng Th L, sinh năm 1950.

Cùng địa chỉ: Thôn H K, xã C H, huyện Th B, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Ông T Q H, sinh năm 1956;

Địa chỉ: Thôn H K, xã C H, huyện Th B, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan: Ông Ng L Ng H, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Thôn H D, xã H H, huyện N H, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Người làm chứng: Ông T Kh Qu, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Thôn H K, xã C H, huyện Th B, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14/10/2021 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Ng M Ph trình bày: Ngày 15/9/2021 ông có nhận chuyển nhượng của ông Ng L Ng H diện tích 1.312m² đất thuộc thửa số: 508; Tờ bản đồ số: 24 xã Công Hải. Sau đó, khi đo đạc, kiểm tra thực tế ông phát hiện diện tích đất không đủ do hộ ông C Ph và bà Ng Th L lấn chiếm một phần, ông đã gửi đơn đến UBND xã Công Hải để giải quyết nhưng không thành. Cụ thể phần diện tích bị lấn chiếm có chiều ngang là 4m, chiều dài đến hết

đất. Trong quá trình giải quyết vụ án đã xác định được diện tích bị lấn chiếm 209.5m^2 (theo trích lục bản đồ địa chính ngày 20/5/2022 của văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận cung cấp). Trên phần diện tích đất lấn chiếm hộ ông C Ph đã lắp đặt đồng hồ nước, rào lưới B40 và đổ đất. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông C Ph và bà Ng Th L trả lại cho ông $209,5\text{m}^2$ đất và đề nghị ông Ph, bà L di dời đồng hồ nước, hàng rào lưới B40 ra khỏi đất, riêng phần đất ông Ph, bà L đã đổ đất thì ông Ph sẽ trả lại số tiền đổ đất theo kết quả định giá tài sản của Toà án.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn và Bị đơn vợ chồng ông C Ph, bà Ng Th L trình bày:

Trước đây, bà Tô Thị Thảo (là mẹ ông C Ph) có một diện tích là 1.840m^2 tại thửa đất số 322, tờ bản đồ số 12, GCNQSDĐ số D832729, sổ vào sổ 11823, cấp ngày 31/01/1996. Sau đó bà T T Th chuyển nhượng cho bà C Ng Ph L (con gái ông Ph, bà L). Sau đó, ngày 04/8/2008, bà L đã được UBND huyện Thuận Bắc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với thửa đất số 275, tờ BĐĐC số 24, diện tích: 2.312m^2 . Ngày 08/10/2015, bà L chuyển nhượng một phần diện tích đất tại thửa đất trên cho ông T Kh Qu và ông Qu đã được UBND huyện Thuận Bắc cấp GCNQSDĐ số CA 479373, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH0205, cấp ngày 08/10/2015, thửa đất 275b, tờ BĐĐC số 24, xã Công Hải. Diện tích còn bà C Ng Ph L tặng cho mẹ là bà Ng Th (vợ ông C Ph) và bà L đã được UBND huyện Thuận Bắc cấp GCNQSDĐ số CA 479372, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH00204, ngày 08/10/2015. Tuy nhiên, việc bà L sang nhượng cho ông Qu và một phần tặng cho bà Ng Th L chỉ để làm thủ tục cấp sổ. Trên thực tế do ông T Kh Qu và ông (C Ph) là anh em cô cậu nên trên thực tế khi nhận các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì vì phần diện tích cấp cho bà L chỉ có 1.000m^2 chưa đủ diện tích khi chia đôi. Vì vậy, ngày 25/12/2015 vợ chồng ông bà cùng ông T Kh Qu đã lập một biên bản Thỏa thuận phân chia đất mua chung. Cụ thể chia đôi diện tích mỗi bên chiều ngang khoảng 30m^2 , chiều dài hết sổ. Sau khi thỏa thuận năm 2018 ông bà tiến hành xây dựng đồ trụ bê tông, bắt đồng hồ nước, rào lưới B40 để làm ranh giới và vợ chồng bà đổ đất canh tác, trồng cây cảnh ổn định từ đó cho đến khi có tranh chấp với ông Ngu M Ph. Vì vậy, ông bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Ph. Trường hợp HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và công nhận cho vợ chồng ông quyền sử dụng 1000m^2 mà ông bà được cấp thì ông Ph, bà L sẽ tự nguyện di dời các tài sản trên đất, không yêu cầu ông Ph trả lại số tiền đổ đất theo kết quả định giá tài sản

Trong quá trình tố tụng người có quyền, nghĩa vụ liên quan ông Ngu L Ng H trình bày: Năm 2017, ông có nhận sang nhượng 01 diện phần đất từ ông T Kh Qu. Cụ thể: diện tích 1.312m^2 thửa đất 275b, tờ BĐĐC số 24, xã Công Hải do UBND huyện Thuận Bắc cấp GCNQSDĐ số CA 479373, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH0205, cấp ngày 08/10/2015. Sau khi nhận sang nhượng ông làm thủ tục để sang tên quyền sử dụng đất nay là Thửa đất số 508; Tờ bản đồ số: 24; diện tích 1312m^2 , Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CKATT855; Sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận là CS00442 cấp ngày 14/11/2017, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận cấp cho ông H. Ngày 15/09/2021 ông chuyển nhượng lại diện tích đất trên cho ông Ng M Ph. Tuy nhiên sau đó ông Ng M Ph tiến hành đo đạc, cắm mốc phát hiện diện tích đất đất bị thiếu và hộ ông C Ph và bà Ng Th L đã lấn chiếm, và rào lưới B40. Việc ông nhận sang nhượng đất

từ ông T K Qu là hợp pháp và đã được cấp quyền sử dụng đất. Sau đó giữa ông và ông Ng M P đã thoả thuận sang nhượng đất, việc thoả thuận giữa ông và ông Ph là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định, không có tranh chấp gì về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất này và ông đã nhận đủ giá trị chuyển nhượng từ ông Ph. Vì vậy, đối với yêu cầu khởi kiện của ông Ph thì ông hoàn toàn đồng ý, ông đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc xem xét và giải quyết buộc ông C Ph và bà Ng Th L trả lại cho ông Ph diện tích đã lấn chiếm khoảng 209.5 m² để ông Ng M Ph có thể làm thủ tục sang tên theo đúng quy định.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người làm chứng ông T K Qu trình bày:

Ông T K Qu thống nhất lời trình bày về nguồn gốc các thửa đất của ông C Ph. Việc ông C Ph tự làm thủ tục cấp sổ đỏ cho ông Qu và ông C Ph vào năm 2015 là do ông C Ph tự làm, sau đó sau khi ông Ph tự thoả thuận với ông Qu về việc phân chia diện tích nhưng ông Ph lại không đi làm thủ tục biến động đất. Tuy ông Qu không báo cho ông H biết việc giữa ông Qu và ông C Ph có thoả thuận phân chia đất mua chung nhưng khi sang nhượng ông H, ông Qu có chỉ ranh giới cho ông H là phần đất thấp hơn phần đất của ông C Ph và ông Qu chủ quan nghĩ rằng cơ quan chức năng sẽ đo đạc, kiểm tra lại thực địa. Tuy nhiên ông Qu đã sang nhượng quyền sử dụng cho ông Ng L Ng H khoảng 4 năm nay, giữa ông Qu và ông H không có tranh chấp gì, vì vậy trong vụ án này ông Qu không có ý kiến, trình bày gì thêm.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến của mình đối với việc giải quyết vụ án. Các bên không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Bắc thể hiện:

- Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi Tòa án thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, các đương sự chấp hành đúng quy định tại điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Các Điều 105, 115, 163, 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 203 Luật đất đai. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ng M Ph đối với ông C Ph và bà Ng Th L. Buộc ông Ph, bà L phải trả lại cho ông Ph diện tích đất 209m² (gồm 141,7m² đất LUC và 67,8m² đất ONT) thuộc một phần đất thửa số 508 theo giấy CNQSD đất số CK 477855, ngày 14/11/2017, tờ bản đồ số 24 thuộc xã Công Hải, huyện Thuận Bắc được giới hạn bởi các điểm (1,2,3,4,5,6,7,8) theo Trích lục bản đồ địa chính ngày 20/5/2022 do Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận cấp (BL: 144).

Ông Ph, bà L tự nguyện tháo dỡ và di dời hàng rào lưới B40, 13 trụ bê tông cao 1,4m, diện tích trụ 12cm x 12 cm, hàng rào dài 30m. Tường rào khung kẽm gai/lưới

b40/cọc bê tông sắt/trụ bê tông, để trả lại diện tích đất lấn chiếm cho ông Ph. Xét đây là sự tự nguyện của bị đơn nên chấp thuận. Ông Ph, bà L tự nguyện khôi phục lại hiện trạng đất ban đầu và san ủi phần đất đã đổ nâng nền nên ông Ph không phải trả cho ông Ph, bà Lý số tiền 4.620.000 đồng giá trị 77m³ đất đổ nâng nền.

Về án phí ông C Ph và bà Ng Th L là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ tiền án phí. Về chi phí đo đạc, định giá tài sản và trích lục bản đồ: Các đương sự tự nguyện thỏa thuận nên không xem xét đến. Đề nghị: Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật ông Ng M Ph phải đến Cơ quan có thẩm quyền để đăng ký sang tên quyền sử dụng đất theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Ng M Ph khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc buộc bị đơn ông C Ph và bà Ng Th L trả lại cho ông 209,5m² đất bị lấn chiếm thuộc địa phận xã Công Hải và buộc di dời đồng hồ nước, hàng rào lưới B40 ra khỏi đất, riêng phần đất ông Ph, bà L đã đổ đất thì ông Ph sẽ trả lại số tiền đổ đất theo kết quả định giá tài sản. Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và buộc di dời tài sản trên đất*”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc.

[2]. Về nội dung tranh chấp trong vụ án: Nguyên đơn ông Ng M Ph cho rằng vợ chồng ông C Ph, bà Ng Th L đã lấn chiếm của ông 209.5m² đất nên yêu cầu vợ chồng ông C Ph và bà Ng Th L trả lại cho ông 209,5m² đất bị lấn chiếm và di dời đồng hồ nước, hàng rào lưới B40, lấy đất đổ nâng nền ra khỏi phần đất của ông. Bị đơn vợ chồng ông C Ph, bà Ng Th L cho rằng phần diện tích đất của vợ chồng ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 1.000m² nhưng phần diện tích phía sau không phải của gia đình ông nên vợ chồng ông không sử dụng. Vì vậy, vợ chồng ông không đồng ý trả lại cho ông Ng M Ph 209.5m² đất. Trường hợp HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn thì ông Ph, bà L sẽ tự nguyện di dời các tài sản trên đất. Hội đồng xét xử xét thấy:

[3] Về nguồn gốc các thửa đất: Theo hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 31/01/1996, bà T T Th được nhà nước công nhận quyền sử dụng thửa đất số 322, tờ bản đồ số 12 có diện tích là 1.840m². Sau đó bà T T Th chuyển nhượng cho bà C Ng Ph L (con gái ông Ph, bà L). Ngày 04/8/2008, bà L đã được UBND huyện Thuận Bắc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa đất số 275, tờ BĐĐC số 24, có diện tích: 2.312 m². Ngày 08/10/2015, bà L chuyển nhượng cho ông T K Q một phần đất có diện tích 1.312m². Sau đó ngày 08/10/2015, ông Q đã được UBND huyện Thuận Bắc cấp GCNQSDĐ thửa đất 275b, tờ bản đồ địa chính số 24, có diện tích 1.312m². Năm 2017, ông Q chuyển nhượng lại phần diện tích đất cho ông Ng L Ng H. Ngày 15/09/2021 ông H chuyển nhượng lại diện tích đất trên cho ông Ng M Ph. Diện tích 1.000m² đất còn bà C Ng Ph L tặng cho mẹ là bà Ng Th L (vợ ông C Ph) và bà L đã được UBND huyện Thuận Bắc

cấp GCNQSDĐ số CA 479372, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH00204, ngày 08/10/2015.

[4] Xác định diện tích đất tranh chấp: Trong quá trình tố tụng, ngày 20/01/2022, Toà án có thành lập Hội đồng xem xét, thẩm định và đo đạc đất. Ngày 24/02/2022, Toà án có nhận bản đồ đo vẽ hiện trạng thửa đất do Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận chi nhánh Thuận Bắc cung cấp tuy nhiên bị đơn không đồng ý với kết quả đo đạc này và đề nghị Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Ninh Thuận đo đạc lại. Ngày 07/4/2022, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Ninh Thuận tiến hành đo đạc lại thửa đất theo yêu cầu bị đơn. Ngày 20/5/2022, Toà án nhận được trích lục bản đồ địa chính do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Ninh Thuận cung cấp. Cụ thể các đương sự tranh chấp phần đất có diện tích là $209.5m^2$, trong đó có $67,8m^2$ đất ở, $141,7m^2$ đất LUC. Tài sản trên phần diện tích đất này gồm có 01 đồng hồ nước, hàng rào lưới B40 và phần đất nâng nền khoảng $77m^3$ của vợ chồng ông Ph, bà L.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo trích lục bản đồ địa chính do văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Ninh Thuận cung cấp ngày 20/5/2022 (BL 144) thể hiện: Phần đất đã được cấp giấy chứng nhận cho ông C Ph, bà Ng Th L có diện tích $1.001m^2$. Trong đó, phần diện tích đất đang sử dụng là $979,6m^2$, phần diện tích đất không sử dụng là $21,4m^2$. Đối với phần đất tranh chấp có diện tích là $209.5m^2$, trong đó có $141,7m^2$ đất LUC và $67,8m^2$ đất ONT đều thuộc một phần thửa 508 đã cấp quyền sử dụng đất cho ông Ng L Ng H. Theo công văn số 09/VPĐKĐĐ – CNTB ngày 24/02/2022 do văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Ninh Thuận chi nhánh Thuận Bắc cung cấp (BL 133) có nội dung: “...toàn bộ phần diện tích đất đang tranh chấp thuộc thửa số 508, tờ bản đồ số 24 xã Công Hải... đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ng L Ng H...”. Căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các đương sự, trích đo bản đồ địa chính của văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Ninh Thuận và hiện trạng thực tế sử dụng đất. HĐXX nhận thấy diện tích đất của vợ chồng ông C Ph, bà Ng Th L là $1.001m^2$ nếu cộng thêm diện tích $209,5m^2$ đất đang tranh chấp là vượt quá diện tích đất mà vợ chồng ông Ph, bà L được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngoài ra theo Công văn số 19/UBND-KT ngày 15/2/2022 của UBND xã Công Hải (BL132) xác định nội dung: “... Việc thỏa thuận phân chia đất giữa ông C Ph và ông T Kh Qu không thông qua chính quyền địa phương. UBND xã không chứng thực nội dung thỏa thuận của ông C Ph và ông T Kh Qu...”. Như vậy, có thể xác định vợ chồng ông Ph, bà L đã lấn chiếm $209,5m^2$ đất của ông Ph là có cơ sở chấp nhận. Từ những phân tích trên, HĐXX căn cứ vào các Điều 166, Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; căn cứ vào ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên toà. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ng M Ph. Buộc bị đơn ông C Ph và bà Ng Th L trả lại cho ông Ph $209,5m^2$ đất bị lấn chiếm và di dời đồng hồ nước, tháo dỡ hàng rào lưới B40 và lấy phần đất đắp nâng nền ra khỏi phần đất đã lấn chiếm. Vị trí, cự ly các cạnh và diện tích đất tranh chấp được xác định theo đo đạc địa chính khu đất ngày 20/5/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Ninh Thuận.

[6]. Về chi phí tố tụng: Các đương sự tự thỏa thuận toàn bộ chi phí xem xét thẩm định, đo đạc tài sản và không có yêu cầu gì khác. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, do ông Ph, bà L là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 165, Điều 166 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 203 của Luật đất đai; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ng M Ph.

Buộc bị đơn ông C Ph và bà Ng T L trả lại cho ông Ng M Ph diện tích 209,5m² đất lần chiếm (gồm 141,7m² đất LUC và 67,8m² đất ONT) thuộc một phần đất thửa số 508 theo giấy CNQSD đất số CK 477855, ngày 14/11/2017, tờ bản đồ số 24 thuộc xã Công Hải, huyện Thuận Bắc. Vị trí, cự ly các cạnh và diện tích đất tranh chấp được giới hạn bởi các điểm (1,2,3,4,5,6,7,8) theo Trích lục bản đồ địa chính ngày 20/5/2022 do Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận.

Buộc ông C Ph và Ng Th L di dời đồng hồ nước, hàng rào lưới B40 dài 30m, 13 trụ bê tông cao 1,4m, diện tích trụ 12cm x 12 cm và 77m³ đất đổ nâng nền.

Về án phí:

Ông C Ph, bà Ng Th L được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông Ng M Ph số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000112 ngày 14/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thuận Bắc.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 23/6/2022). Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ng L Ng H vắng mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, niêm yết, tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Kèm theo đo đạc địa chính khu đất ngày 20/5/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Ninh Thuận cung cấp).

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thuận Bắc;
- CCTHA huyện Thuận Bắc;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Ngô Minh Đăng

